BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 803 /QĐ-BDTTG	*Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 – 2030 (đợt 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 255/QĐ-BDTTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân 27 tỉnh, thành phố về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp thôn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 của 27 tỉnh, thành phố (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định này thay thế Danh sách tương ứng đã được công bố, sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 255/QĐ-BDTTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đối với các tỉnh, thành phố có Danh sách được công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có thôn quy định tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan làm công tác dân tộc và tôn giáo các tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng,
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Cổng TTĐT của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Lưu: VT, VPQGDTMN (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Y Vinh Tơr